

# TRI THỨC BẢN ĐỊA VỀ THUỐC NAM CỦA NG- ỜI THÁI Ở MIỀN NÚI THANH HÓA (Nghiên cứu tại xã Yên Kh- ơng, huyện Lang Chánh)

VŨ TRỜNG GIANG

Trong những năm gần đây, việc phát huy các giá trị y học cổ truyền cũng nh- kết hợp với y học hiện đại trong phòng và chữa bệnh đang đ- ợc quan tâm nghiên cứu và ứng dụng. Nhà nhân học Arthur Kleinman (1980) đã giới thiệu mô hình bộ phận (sector model) nh- là một công cụ để tìm hiểu các hoạt động của hệ thống y tế. Theo ông, có ba bộ phận khác nhau: bộ phận chuyên môn (professional sector), bộ phận truyền thống dân gian (folk sector) và bộ phận đại chúng (popular sector). Mỗi bộ phận có cách giải thích và điều trị các vấn đề về sức khỏe theo cách khác nhau. *Bộ phận chuyên môn* bao gồm các chuyên gia y học, đ- ợc đào tạo đầy đủ theo yêu cầu, đ- ợc tổ chức một cách chính thống và đ- ợc công nhận về pháp luật. □ Việt Nam, đó là những ng- ời hành nghề Tây y và Đông y. *Bộ phận dân gian* bao gồm các thầy lang, thầy cúng, pháp s- và các bà mụ v- òn; các cách chữa bệnh của họ có thể mang tính thần bí hoặc dân dã hoặc là phối hợp cả hai cách này. *Bộ phận đại chúng* là bộ phận của ng- ời dân, chiếm phần lớn nhất trong bất cứ hệ thống chăm sóc sức khỏe nào; đây chính là khu vực diễn ra hầu hết các hoạt động chăm sóc sức khỏe. □ Việt Nam, bộ phận chuyên môn đ- ợc coi trọng nhất cả về mặt xã hội và chính trị, đại diện cho hệ thống chăm sóc sức khỏe thống nhất, của quốc gia. Ng- ợc lại, các thực hành chăm sóc sức khỏe thuộc bộ phận dân gian th- ờng bị xem th- ờng và đơn giản bị coi là “mê tín”.

Tuy nhiên, bộ phận dân gian vẫn đóng một vai trò quan trọng và bộ phận này rất phong phú và đa dạng (Mogensen và cộng sự, 2002, tr. 58 - 61).

Tại xã Yên Kh- ơng, huyện Lang Chánh nói riêng và vùng ng- ời Thái ở miền núi Thanh Hóa nói chung tồn tại cả ba bộ phận chăm sóc sức khỏe nói trên. Trong phạm vi bài viết này, tôi trình bày tri thức bản địa về thuốc nam trong phòng và chữa bệnh của ng- ời Thái với những nội dung sau:

## 1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Xã Yên Kh- ơng nằm ở phía Tây Nam của huyện Lang Chánh, cách trung tâm huyện hơn 40 km. Đây là một xã miền núi, biên giới, địa hình hiểm trở; phía Bắc giáp xã Lâm Phú (huyện Lang Chánh), phía Đông giáp xã Yên Thắng (huyện Lang Chánh), phía Nam giáp xã Bát Mọt (huyện Th- ờng Xuân), phía Tây Bắc giáp xã Sơn Hà (huyện Quan Sơn), phía Tây Nam giáp huyện Sầm Tó (Lào). Theo số liệu thống kê năm 2006 của UBND xã Yên Kh- ơng, diện tích tự nhiên của xã là 9.788 ha với số dân là 4.608 ng- ời, gồm 100% là ng- ời Thái c- trú tại 13 bản. Hoạt động kinh tế chính là sản xuất nông nghiệp. Trong đó, lúa n- ớc là cây trồng chủ đạo. Ngoài ra, đồng bào còn trồng thêm sắn và một số cây hoa màu khác; tổng sản l- ợng l- ợng thực đạt 1.060 tấn, bình quân 240 kg/ng- ời/năm. Các ngành nghề bổ trợ gồm khai thác lâm nghiệp, chăn

nuôi gia súc, gia cầm. Bình quân thu nhập 1.320.000đ/ng-ời/năm. Cơ sở hạ tầng, y tế và giáo dục còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn.

## 2. Các nguồn d-ợc liệu

Nguồn d-ợc liệu dùng cho việc chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ của ng-ời dân khá đa dạng và phong phú. B-ớc đầu, tôi đã thống kê đ-ợc 170 loại d-ợc liệu khác nhau<sup>1</sup>, bao gồm những loại nh- sau: d-ợc liệu từ thảo d-ợc là 155/170, chiếm 91,17%; d-ợc liệu từ động vật là 13/170, chiếm 7,64%; d-ợc liệu từ nguồn khác là 2/170, chiếm 1,17%.

### 2.1. D-ợc liệu là thảo d-ợc

Trong số 155 loại thảo d-ợc thì loại đ-ợc trồng và mọc trong v-ờn hay xung quanh nơi c- trú là 62/155, chiếm 40% số thảo d-ợc và 36,47% tổng số d-ợc liệu. Đó là các loại cây nh-: tía tô (*hòm l-ớt*), rau má đê (*co má đê*), cây mơ (*co phúng*), hẹ (*phặc xa lẹp*), húng dổi (*co lèn lặc*), rau diếp cá (*bơ phặc khoáy*), khoai lang (*ch-à ón*), cây quế (*co khoe*), rau má (*phặc noọc*), trầu không (*tòi khuống*), đu đủ (*co khùng*), chuối tiêu (*dót chuối tiêu*), cây cọc rào (*lém cột hũa*), mơ tam thể (*bơ tột má*), cây h-ơng nhu (*bơ h-ơng nhu*), cây sả (*khính chơ*), kinh giới (*co kim giới*), ích mẫu (*co mọi kẹo*), lá lốt (*co ợt l-ớt*), ngải cứu (*co nạt nài*), cây nhọ nồi (*co nhọ nồi*), *co xăm mùi* (?), cây ổi (*co ổi*), *co toong vòng* (?), cây vòng nem (*co toong*), cây mạn (*co mạn*), mạn đỏ (*co mạn đ-ớt*), cây kê (*co pháng*), rau ngót (*co phặc ngon*),

ý dĩ (*co đ-ỏi nón*), cây hồng bì (*co ngút*), ớt chỉ thiên (*co v-ợt chà lý*), cây đào (*bơ cai*), cây chanh (*co nao*), cây b-ởi (*co pục*), cây vừng (*co ngà*), cây nghệ (*co nghỉn*), cây nghệ đen (*co nghỉn đăm*), bí đỏ (*mặc vự*), cây dong riềng (*co hán*), *ch-à co đóm* (?), đậu xanh (*thua lế*), rau mùi tàu (*phặc húm tàu*), đậu ván (*co thùa pep*), cây gừng (*co khính*), rau dăm (*hom pèo*), cây núc nác (*co lịn phùng*), cây cau (*co mạc*), cây phớ (*co phớ*), tỏi (*co hóm tiêm*), hành (*co phặc bùa*), gấc (*ch-à ma kháu*), cây chè (*co chè*), cây xoan (*co h-ơn*), cây ráy (*phặc phúc*), cây bông sợi (*kèn phái*), bạc hà (*phặc bạc hà*), cây quýt (*co nghe*), cây dứa (*co pạo*), cây nhãn (*co nhãn*), *co xa lẳng* (?), *co ổi nú* (?).

Nh- vậy, có thể thấy một số loại cây trồng vừa là cây ăn quả, rau xanh, gia vị... vừa là loại cây thuốc chữa bệnh. Mặt khác, cũng cần phân biệt các loại cây trồng có ý thức và những cây trồng ngẫu nhiên. Những cây trồng có ý thức là cây trồng có mục đích rõ ràng, có ý thức về quyền sở hữu, khai thác, sử dụng trong một thời gian nhất định (cây ăn quả, rau xanh, gia vị...). Cây trồng ngẫu nhiên là loại dùng làm hàng rào bảo vệ, phân định địa giới... vì dễ mọc bằng cách đâm cành.

Nhìn chung, các loại cây trồng và mọc trong v-ờn, xung quanh nơi c- trú thuộc các họ thực vật nh-: hoa môi (*lamiaceae*), mã đề (*plantaginaceae*), hoa hồng (*rosaceae*), hành tỏi (*liliaceae*), lá giấp (*saururaceae*), bìm bìm (*convolvulaceae*), long não (*lauraceae*), hoa tán (*apiaceae*), hồ tiêu (*piperaceae*), đu đủ (*papayaceae*), chuối (*musaceae*), cà phê (*rubiacae*), lúa (*poaceae*), cúc (*asteraceae*), sim (*myrtaceae*), cánh b-óm (*papilionaceae*), thầu dầu (*euphorbiaceae*), cam quýt (*rutaceae*),

<sup>1</sup> Trên thực tế nguồn d-ợc liệu này còn nhiều hơn vì những thầy lang mà tôi tiếp xúc tại địa bàn th-ờng ít thống kê nguồn d-ợc liệu theo sổ sách. Họ khám bệnh hoặc ng-ời bệnh kể triệu trứng bệnh để thầy đoán bệnh; sau đó, họ lấy thuốc theo trí nhớ và bào chế thuốc bằng kỹ thuật riêng của mình. Cũng không loại trừ khả năng thầy lang không cung cấp hết nguồn d-ợc liệu vì tâm lý “giấu nghề”.

cà (*solanaceae*), vừng (*pedaliaceae*), gừng (*zingiberaceae*), rau răm (*polygonaceae*), dong riềng (*cannaceae*), đậu (*fabaceae* hay *papilionaceae*), hoa tán (*apiaceae* hay *umbelliferae*), chùm ớt (*bignoniaceae*), cau dừa (*arecaceae*), bầu bí (*cucurbitaceae*), chè (*theaceae*), xoan (*mseliaceae*), ráy (*araceae*), bông (*malvaceae*), dừa (*palmaeaceae*), bồ hòn (*sapindaceae*), tre nứa (*bambasaceae*) (Đỗ Tất Lợi, 1999; <http://www.bachkhoatoanthu.gov.vn>).

Các loại thảo dược khai thác trong rừng là 93/155, chiếm 60% số thảo dược và 63,53% tổng số dược liệu. Đó là các loại cây<sup>2</sup>: chìa vôi (*thau púm*), tai chua (*hắc phóng*), rau diếp rừng (*co phặc nguồn*), cây mắt nai (*bơ ta quáng*), dằng dằng (*cụt giống*), cau rừng (*co mạc đống*), lá cây nứa (*dốt bó hĩa*), cây đốt (*dốt khém*), cây dang (*dốt hẹ*), cỏ tranh (*co hắc kha*), cây vả (*co ngóa*), cây gai tég (*nam tég*), ống n-ớc (*ống nặm*), thâu dầu (*co lý*), cây săng lẻ (*co dáng lẻ*), sa nhân (*co mạc nành*), cây tân thời - cỏ cút lợn (*dá xĩa pan*), ngũ gia bì (*co ói chạng*), gai xôi (*nam xôi*), sậy (*hắc phạch*), cỏ x-ớc (*dá xĩa ợc*), dây củ nâu (*chĩa mạc báu*), sắn dây rừng (*chĩa min pa*), d-ong xỉ (*phắc cụt*), *dá bợc đôn*, *co chạy*, *bợc điếc khoai*, *lếp mơ nang ná*, *pịt niêng*, *chần lòn*, *ngót mú*, *phá nôộc*, *nam pọng*, *lịt nặm*, *lớt*, *chần lon*, *co lục tợc*, *co kết cầu*, *co lằm là*, *chĩa phần xiêng*, *co pin niêng*, *co lằm lợch*, *co hà khoai*, *co hau pấn*, *dốt hẹ*, *co tà pa nọi*, *sa lá*, *bóng lánh nú*, *tặc na*, *cùm*, *bợc ún*, *co phóng phí*, *co phóng*, *chĩa xúm lum*, *co hang hợng*, *co xa lẵng*, *co xa lá*, *dốt khoạch liêng*, *hắc chĩa hằm mua*, *dốt co phảng phí*, *co xăm mùi*, *khính chợ nặm*, *chĩa cau dợng*, *chằm chợ*,

*chĩa thau tóm*, *chĩa lớt xán*, *co lớt*, *co xăng khan*, *co lớt nang*, *chĩa hắc phạ*, *chĩa muối*, *cô cò loong*, *hác co mạ*, *xúm lùm*, *bợc co phạt*, *phạc co mạ*, *co B12*, *co dừa*, *co xúm*, *co phần pin*, *co xạm xíp*, *co phảng*, *co tập tàu*, *co ngoa chĩa*, *xóm nang*, *co tan pảo*, *co dá xuộc*, *co lừa*, *cầu dợng*, *co kết kín*, *co ngút*, *co nêng*.

## 2.2. Dược liệu là động vật và loại khác

D-ợc liệu là động vật và loại khác mặc dù chiếm số lượng ít nhưng cũng góp phần quan trọng trong việc chữa bệnh. Đó là các loài động vật nh- con giun (*tô đợn*), con tầm lá sắn (*tô mợn*), con đĩa (*tô pính*), con voi (*tô chạng*), con cua (*tô pú*), con gấu (*tô mợi*), con ong (*tô phúng*), con khỉ (*tô linh*), con hổ (*tô xúa*), con h-ou (*tô phan*), con nhím (*tô mìn*), con trăn (*tô lợm*), con cu li (*tô culi*)... Một số loại khác đ-ợc dùng để chữa bệnh là *kíp ngân cấu* (bạc trắng), *hin đón du huối* (hòn đá trắng ở suối)...

## 2.3. Giá trị sử dụng

Các loại thảo dược có các dạng cây thân gỗ, thân thảo, thân bụi, thân dây leo và thân tre. Trong số 155 loại thảo dược thống kê đ-ợc thì cây thân gỗ là: 64, chiếm 41,29%; cây thân thảo: 53, chiếm 34,19%; cây thân bụi: 27, chiếm 17,41%; cây thân dây leo: 8, chiếm 5,16%; và cây thân tre: 3, chiếm 1,93%.

Đối với mỗi loại thảo dược, các bộ phận của cây đ-ợc dùng vào các mục đích chữa bệnh khác nhau và các bộ phận khác nhau của cùng một cây có những tác dụng khác nhau tùy theo cách vận dụng chữa bệnh của các thầy thuốc. Có loại cây chỉ có một bộ phận (lá, thân, rễ, hoa, quả...) đ-ợc sử

<sup>2</sup> Chúng tôi ch- a tìm đ-ợc tên Việt t-ong ứng cho nhiều loại cây bằng tiếng Thái.

dụng, nh- ng có loại hai bộ phận (thân và lá, lá và hạt..) đ- ọc sử dụng, một số khác là ba bộ phận (lá, rễ, hạt..) và thậm chí cũng có loại cả cây đ- ọc sử dụng (Nguyễn Nghĩa Thìn chủ biên, 2001, tr. 84). Hoặc để chữa một số bệnh nhất định, phải kết hợp nhiều bộ phận của cây thuốc hoặc nhiều loại cây mới có tác dụng tốt. Liều l- ượng sử dụng th- ờng mang tính - ớc l- ượng, nhất là các loại lá, cành lá th- ờng tính theo nắm hoặc ngón.

Trong số 155 loại thảo d- ọc trên, các bộ phận đ- ọc sử dụng nh- sau: nhiều nhất là lá: 81, chiếm 52,25%; tiếp theo là thân cây: 60, chiếm 38,7%; củ: 12, chiếm 7,74%; rễ: 11, chiếm 7,09%; hạt: 8, chiếm 5,16%; quả: 6, chiếm 3,87%; vỏ cây: 4, chiếm 2,58%; ngọn: 2, chiếm 1,29%; toàn bộ cây: 2, chiếm 1,29%.

Nh- vậy, có thể thấy trong các bộ phận của cây thì lá là bộ phận đ- ọc sử dụng nhiều nhất, là nguồn cây thuốc bảo tồn bền vững vì thu hái không ảnh h- ưởng đến sự sinh tr- ờng của cây. Thân cây chiếm tỷ lệ t- ơng đối lớn; do đó, khi khai thác cây thuốc, cần chú

ý công tác bảo tồn vì dễ ảnh h- ưởng đến sự sinh tr- ờng và phát triển của cây thuốc nói riêng và nguồn thực vật nói chung.

Cũng giống nh- cây thuốc, các bộ phận của động vật có công dụng chữa bệnh khác nhau. Có loài động vật chỉ sử dụng đ- ọc một bộ phận nào đó nh- ng có loài dùng cả con vật để làm thuốc. Trong số 13 loài động vật thống kê đ- ọc thì các bộ phận đ- ọc sử dụng nh- sau: cả con: 3 (tằm, đĩa, cua), chiếm 23,07%; mật: 2 (ong, gấu), chiếm 15,38%; x- ơng: 2 (khỉ, hổ), chiếm 15,38%; lông: 2 (nhím, cu li), chiếm 15,38%; nhung: 1 (h- ươ), chiếm 7,69%; mỡ: 1 (trăn), chiếm 7,69%; dạ dày: 1 (nhím), chiếm 7,69%; ngà: 1 (voi), chiếm 7,69%; thân: 1 (giun), chiếm 7,69%.

#### 2.4. Công dụng và hiệu quả chữa bệnh

Mỗi loại d- ọc liệu đ- ọc ứng dụng cho từng đối t- ượng chữa bệnh khác nhau nh- : bệnh thông th- ờng, bệnh của phụ nữ, bệnh của trẻ em, thuốc bổ, thuốc chữa bệnh cho gia súc, thuốc trừ sâu... Trong 170 loại d- ọc liệu thống kê đ- ọc cho thấy công dụng của d- ọc liệu đối với việc chữa bệnh rất đa dạng.

Bảng 1: Công dụng của d- ọc liệu trong chữa bệnh

TT	Số loại d- ọc liệu	Tác dụng trị bệnh	Tỷ lệ (%)
1	46	Đau bụng, ỉa chảy	27,05
2	38	Đau nhức cơ thể, đau khớp, đau l- ơng, đau vai, đau ngực, đau thần kinh	22,35
3	21	Hạ sốt, cảm cúm	12,35
4	21	Điều hòa kinh nguyệt, đông kinh, bổ cho sản phụ, thiếu sữa	12,35
5	17	Bồi d- ưỡng sức khoẻ (bổ máu, ng- ời xanh xao, làm mát cơ thể)	10
6	15	Mụn nhọt, thuỷ đậu, ngứa, ghẻ, lông sâu bám vào da	8,82
7	8	Ho, ho lao, hen	4,70
8	7	Gãy x- ơng, đứt gân, bong gân, trật khớp	4,11

9	6	Cầm máu, liền vết th-ong, nhiễm trùng	3,52
10	5	Thận, đái dất, thông tiểu	2,94
11	4	Đau đầu	2,35
12	4	Tim	2,35
13	3	Bóng	1,76
14	3	Gan	1,76
15	3	Rắn cắn, hổ vồ	1,76
16	2	Giun	1,17
17	2	Ngộ độc, nôn mửa	1,17
18	2	Đau dạ dày	1,17
19	2	Sốt rét	1,17
20	2	Đau răng	1,17
21	2	Đau mắt	1,17
22	2	S- ng cơ thể, tay chân do va đập	1,17
23	1	Nấm l- ời	0,58
24	2	Trâu bò bị rắn cắn, đầy hơi	1,17
25	1	Trừ sâu	0,58

Thực tế cho thấy việc hiểu công dụng của từng loại d- ọc liệu đối với từng loại bệnh là yêu cầu rất quan trọng trong việc điều trị bệnh. Trên cơ sở đó, ng- ời thầy thuốc căn cứ vào bệnh tật của từng bệnh nhân để có thể dùng một hoặc kết hợp nhiều loại d- ọc liệu khác nhau. Nếu một loại d- ọc liệu có tác dụng với nhiều bệnh thì phải lựa chọn chữa trị loại bệnh nào là hiệu quả nhất.

### 3. Kỹ thuật thu hái, trông, chế biến và bảo quản cây thuốc

#### 3.1. Thu hái thuốc

Nếu hiểu biết nhất định về hình dạng bên ngoài và công dụng của d- ọc liệu đối với bệnh thì ai cũng có thể thu hái đ- ọc thuốc, đặc biệt là trong việc chữa trị các loại bệnh thông th- ờng nh- cảm cúm, hạ sốt, ỉa

chảy... Tuy nhiên, trong mỗi bản th- ờng có những ng- ời chuyên làm nghề bốc thuốc, chữa bệnh và có thể coi họ vừa là “bác sĩ” vừa là “d- ọc sĩ” (Trần Hồng Hạnh, 2000). Trên thực tế, các thầy lang không dự trữ thuốc để bán hoặc cho ng- ời bệnh, họ chỉ đi thu hái thuốc khi có ng- ời đến “xin” thuốc và dựa trên bệnh trạng của từng ng- ời. Tùy từng loại bệnh và dựa vào hiểu biết cũng nh- kinh nghiệm của mình, thầy lang sẽ lựa chọn loại d- ọc liệu (thực vật, động vật...), cách thu hái (dùng tay ngắt, dùng dao, thuổng...) và bộ phận sử dụng (lá, thân, ngọn, quả, hạt, rễ, củ...).

#### - Địa điểm thu hái

Đa số các loại thuốc đ- ọc thu hái từ nguồn lợi tự nhiên vì ng- ời Thái ch- a có

truyền thống trồng các loại cây thuốc tập trung. Họ cũng không nuôi các loại động vật hoang dã với mục đích làm thuốc. Ng-ời ta có thể khai thác các loại thuốc này trên rừng, bờ sông suối, ven đ-òng đi, ở ruộng, trong v-òn... Trong số 155 loại thảo d-ợc, số khai thác từ rừng và mọc tự nhiên đạt 103 loại, chiếm khoảng 66,45%. Hiện nay, do tình trạng khai thác không có kế hoạch và vốn rừng bị suy giảm nhanh chóng nên nhiều loại d-ợc liệu quý có nguy cơ cạn kiệt; do đó, việc thu hái trở nên khó khăn hơn. Số thảo d-ợc đ-ợc nuôi trồng là 52 loại, chiếm khoảng 33,55%. Những loại thảo d-ợc này đ-ợc khai thác từ v-òn nhà hoặc trên n-ong. Phần lớn trong số đó đều là những cây trồng đ-ợc dùng trong việc khai thác thực phẩm, gia vị kết hợp làm thuốc...

Nhìn chung, đối với những cây thuốc trong v-òn hoặc gần nhà sẽ đ-ợc thu hái tr-ớc và khi đã đủ vị cho bài thuốc, ng-ời dân không phải đi xa để thu hái thêm. Nếu bài thuốc nào cần những những cây thuốc mà trong v-òn hoặc gần nhà không có, họ mới vào rừng hoặc đi xa để tìm kiếm chúng.

*- Nguyên tắc và cách hái thuốc*

+ Tr-ớc lúc đi hái thuốc, thầy lang phải đặt lễ vật lên bàn thờ tổ tiên: gồm 1 đĩa trầu và một ít tiền (1 - 2 nghìn đồng). Thầy lang khấn: ng-ời (nói tên ng-ời bệnh) có lễ vật đến xin thuốc chữa bệnh, con dâng lễ vật lên ông thầy, bà thuốc xin cho con đi lấy thuốc để chữa cho họ khỏi bệnh. Sau khi khỏi bệnh, họ sẽ tạ lễ ông thầy, bà thuốc...

+ Thầy lang phải đi hái thuốc vào buổi sáng (tr-ớc 11h) và buổi chiều (sau 13h), nh-ng tốt nhất là hái thuốc vào lúc sáng sớm hay chiều muộn. Họ kiêng hái thuốc vào buổi tr-a vì lúc đó nắng to làm cây “nhả hết chất

thuốc”; kiêng hái thuốc vào ngày m-a vì n-ớc m-a làm nhạt chất thuốc, sẽ ít hoặc không còn tác dụng trị bệnh (?)

+ Phải xem xét kỹ cây thuốc đầu tiên và nếu lấy đ-ợc cây thuốc mà không vừa ý thì cũng không đ-ợc bỏ đi vì họ quan niệm tổ tiên, thần linh đã ban lộc. Cây thuốc đó nhất định phải đem về nhà, cho dù có dùng hay không. Nếu bỏ cây thuốc đầu tiên là từ chối không nhận lộc mà thần linh đã ban tặng, việc tìm thuốc sẽ rất khó khăn, thậm chí không thể tìm đ-ợc cây thuốc mà mình cần hoặc nếu tìm đ-ợc thì cây thuốc đó cũng không còn tác dụng chữa bệnh.

+ Nếu vị thuốc là lá hay ngọn, trong khi hái thuốc, ng-ời hái phải ng-ng thở và dùng ba ngón tay trái để hái. Ng-ng thở để hơi thở của mình không ảnh h-ởng đến lá thuốc; không dùng tay phải hái thuốc vì tay phải cầm, nắm nhiều nên “không sạch”!? Bất kể bệnh nặng hay nhẹ, mỗi loại lá thuốc trong bài thuốc chỉ đ-ợc hái ba lá hoặc ba ngọn.

+ Nếu vị thuốc là cây thân gỗ, muốn lấy cây đó, nếu là cây nhỏ, chỉ đ-ợc làm đứt rời cây bằng một nhát dao; nếu là cây to, phải chặt đứt cây bằng 3 (hoặc 5, 7, 9...) nhát dao. Số nhát dao chặt cây phải lẻ vì, theo quan niệm của ng-ời dân, số lẻ dành cho ng-ời sống, số chẵn dành cho ng-ời chết.

+ Khi hái thuốc chữa rắn cắn phải trùm áo lên đầu vì ng-ời Thái cho rằng làm thế là trùm vào đầu con rắn để nó không cắn đ-ợc nữa.

+ Khi thu hái những loại thảo d-ợc cần sử dụng củ hoặc rễ, tùy độ nông sâu, ng-ời ta dùng cuốc hay thuổng để đào. Sau khi lấy củ ra khỏi mặt đất hoặc nếu không lấy hết bộ

rễ của cây, phải trồng lại cây thuốc vào vị trí cũ để cây tiếp tục phát triển bình thường.

*- Trồng cây thuốc*

Trước đây người dân ít chú ý đến việc trồng các loại cây thuốc cũng như các loại rau xanh trong vườn nhà. Có nhiều nguyên nhân của vấn đề này: một mặt, người Thái không có truyền thống làm vườn; mặt khác, vốn rừng còn nhiều, sản vật do rừng cung cấp còn phong phú. Mấy năm trở lại đây, do sự suy giảm nhanh vốn rừng và sự khan hiếm của nguồn tài nguyên rừng, để đáp ứng nhu cầu của cuộc sống, người dân đã quan tâm hơn đến việc làm vườn, trồng cây... Mặt khác, nhiều loại cây khai thác từ tự nhiên chỉ được sử dụng để làm thuốc, trong khi những loại cây trồng lại có ít nhất hai tác dụng: phục vụ cuộc sống hàng ngày và dùng làm thuốc chữa bệnh khi cần thiết. Thậm chí, một số cây được trồng để làm hàng rào nh-ng cũng là những vị thuốc.

Đối với mỗi loại cây khác nhau sẽ có những tiêu chuẩn chọn giống khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản, người dân có một số kinh nghiệm chọn giống cây trồng như sau:

+ Đối với những cây trồng bằng hạt, giống tốt là những hạt già, to, chắc mẩy và đồng đều nhau.

+ Đối với những cây trồng bằng củ, tốt nhất là chọn những củ già, đều, không bị xây sát và dập nát.

+ Đối với những cây trồng bằng cành, những cành bánh tẻ, tươi, đốt cành to và dài, lá không bị sâu bệnh được lựa chọn làm giống tốt.

+ Đối với những cây trồng bằng cây con, nên chọn những cây mập, khỏe, lá không bị dập nát, ngọn cây không bị gãy...

Có vậy, sau khi được “đánh” lên rồi chuyển sang trồng chỗ khác, cây con mới nhanh phục hồi.

Người dân thường chọn những nơi đất tốt, tiện chăm sóc, bảo vệ, thu hái để trồng. Đối với những cây trồng theo mùa vụ, phải tuân thủ mùa vụ gieo trồng; đối với những cây trồng không theo mùa vụ, tốt nhất là trồng chúng vào mùa xuân. Nhìn chung, người dân thường dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của mình cùng đặc tính sinh trưởng của cây mà áp dụng các biện pháp kỹ thuật hiện đại.

Thời vụ thu hoạch của mỗi loại cây trồng cũng khác nhau. Những loại cây trồng cho lá thuốc, có thể thu hái quanh năm. Trong khi đó, những loại cây lấy củ hay hạt... chỉ được thu khi củ hoặc hạt già.

Việc trồng cây thuốc ở vườn nhà đã khó, việc trồng những cây thuốc mọc hoang trong rừng còn khó khăn gấp nhiều lần. Thầy lang Lò Văn May (bản Tứ Chiềng, xã Yên Kh-ong, huyện Lang Chánh) kể rằng: “Trong quá trình vào rừng tìm cây thuốc, không phải lúc nào cũng có duyên may tìm được cây thuốc quý. Có lần, ông đã đi vài ngày mà vẫn không tìm được loại thuốc cần, nh-ng có lần vừa vào đến cửa rừng đã tìm thấy. Hoặc lần này tìm thấy chỉ hái đủ lượng lá thuốc cần thiết nh-ng lần sau quay lại thì cây thuốc không còn nữa do bị thú ăn hay do người không biết nên đã chặt nó làm củi... Do vậy, nhiều lần tìm được cây thuốc quý, ông đã huy động người thân lên rừng “đánh bêu” khiêng cây thuốc về trồng ở vườn nhà. Mặc dù được chăm sóc chu đáo nh-ng cây thuốc thường chết; nếu cây sống, nó ít hoặc không còn tác dụng chữa bệnh”.

Phải chăng đặc tính sinh học, khí hậu, thổ nh-ỡng và quang hợp tự nhiên là điều

kiện tạo nên “chất thuốc” của cây? Khi thay đổi điều kiện sống cùng sự chăm sóc “kỹ lưỡng đến mức thái quá” của con người (t-ới n-ớc, bón phân...) thì “chất thuốc” trong cây cũng thay đổi?

*- Chế biến và bảo quản thuốc*

Tuỳ từng loại bệnh mà có cách chế biến thuốc phù hợp: có thể nấu (sắc), ngâm rửa để uống; nấu để xông hơi; vò ăn sống; hơ nóng để nằm, ngồi hay đắp vào chỗ đau; vò nát bôi ngoài da... Thuốc đ-ợc sử dụng d-ới hai dạng: t-ới và khô. Thuốc t-ới là loại thuốc dùng ngay sau khi hái về; thuốc khô là loại thuốc đ-ợc sơ chế nh-óc vò, chặt khúc, sấy khô...sau đó mới dùng. Theo quan niệm của người dân, thuốc t-ới tốt hơn thuốc khô, vì thuốc t-ới giữ nguyên chất thuốc hoặc ch-ả bị biến đổi, còn thuốc khô đã bị mất một phần chất thuốc do chế biến, sấy, phơi khô. Mặc dù vậy, đối với những loại thuốc khó tìm, phải vận chuyển đi xa, những loại thuốc bổ uống thay n-ớc hàng ngày...có thể chế biến thành dạng khô để dễ dùng hoặc bảo quản. Tuy nhiên, việc bảo quản thuốc t-ới đối khó khăn vì “đại đa số các vị thuốc đ-ợc cấu tạo từ các tế bào thực vật với đầy đủ các thành phần dinh dưỡng thích hợp với nhu cầu phát triển của vi sinh vật, đặc biệt là nấm mốc. Do vậy, khi độ ẩm của không khí hạ thấp hoặc khi độ ẩm đ-ợc liệu cao, mốc phát triển tạo ra các độc tố gây nguy hại cho sức khoẻ người bệnh” (Lê Đình Phái, 1996, tr. 62).

Mặc dù có nhiều cách chế biến khác nhau nh-ng có thể quy thành hai dạng cơ bản là thuốc dùng trong và thuốc dùng ngoài. Thuốc dùng trong đ-ợc dùng d-ới các hình thức nh-: nấu n-ớc uống, giã vắt n-ớc uống, ăn chín, ăn sống..; thuốc dùng ngoài đ-ợc dùng d-ới các hình thức nh-: xông, tắm, giã

đắp, xoa bóp ngoài da... Khi chế biến thuốc, phải tuân thủ một số quy định sau:

+ Thuốc cây: không đ-ợc rửa n-ớc lã, cắt thành đoạn nhỏ, chia đều chủng loại và số lượng thành ba phần (ba thang), nấu lên uống. Thầy thuốc thường cho bệnh nhân dùng thuốc t-ới, rất ít khi phơi khô hoặc sấy.

+ Thuốc lá: không đ-ợc rửa n-ớc lã, giã nát nắm lá thuốc đắp lên vết thương, chỗ đau. Nếu uống thì giã nát, lọc bỏ bã lấy n-ớc để uống.

+ Rễ, củ: rửa sạch, nếu là rễ thì thái lát mỏng, nếu là củ thì giã đắp lên chỗ đau hoặc lọc lấy n-ớc cho uống. Cũng có thể nấu lấy n-ớc uống.

Cả ba loại trên đều dùng ba thang. Nếu khỏi thì người bệnh ngừng việc dùng thuốc. Nếu ch-ả khỏi, người bệnh phải lấy tiếp 3 (hoặc 5, 7, 9..) thang nữa để uống (số thang thuốc phải lẻ).

**4. Một số bài thuốc phòng và chữa bệnh thông thường<sup>3</sup>**

Cũng như nhiều dân tộc thiểu số khác, hầu hết người dân Thái đều biết sử dụng vài loại cây thuốc để chữa một số bệnh thông thường như cảm cúm, hạ sốt, tan tụ vết máu... Để trị những bệnh nặng hay nan y, chỉ một số thầy lang mới có khả năng chữa trị bệnh. Tuy nhiên, có những thầy lang chữa đ-ợc nhiều loại bệnh như cũng có thầy lang chỉ chuyên chữa một loại bệnh nhất định. Điều này phụ thuộc vào khả năng và kinh nghiệm của từng người. Thầy lang luôn giữ bí mật về số lượng, thành phần, cách chế biến... trong các thang thuốc của mình. Đối với cây thuốc thì mỗi bộ phận có những công dụng riêng và có thể trở thành những vị thuốc khác

<sup>3</sup> Tôi sẽ trình bày những bài thuốc chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và trẻ em trong một bài viết khác.

nhau. Mỗi vị thuốc đó khi kết hợp với một hay nhiều vị thuốc khác sẽ có công dụng chữa bệnh khác nhau. Do vậy, vị thuốc là quan trọng nh- ng điều quyết định trong việc trị bệnh lại là thang thuốc. Cách chẩn bệnh của thầy lang chủ yếu thông qua lời kể bệnh của ng- ời bệnh hoặc ng- ời nhà của họ, và

bắt mạch, xem sắc mặt, màu l- ời, ánh mắt, tình trạng sức khoẻ... của ng- ời bệnh.

Thuốc của ng- ời Thái đ- ợc chia làm hai loại chính là thuốc chữa bệnh và thuốc bổ. Sự phân chia này mang tính t- ơng đối vì trong thành phần của nhiều thang thuốc chữa bệnh cũng có vị thuốc bổ và ng- ợc lại.

Bảng 2: Một số bài thuốc từ thảo d- ợc

TT	Tên bệnh	Loại thuốc	Cách dùng
1	Cảm cúm	- <i>Da xộc</i> , hẹ - Cây h- ơng nhu, lá quế, lá b- ởi, lá tre, lá xịa	- Đun n- ớc uống - Nấu xông
2	Đau đầu	- Lá: lá đào, <i>nan téng</i> , <i>ống nặm</i> , <i>cốt hủa</i> - Cây: cây đào, <i>nan téng</i> , <i>ống nặm</i> , <i>cốt hủa</i>	- Giã đắp - Nấu uống
3	Ỉa chảy	- Lá ổi, lá tân thời - Rễ cây hắc có mạ, cây <i>cô cà lòng</i>	- Ăn sống - Nấu uống
4	Kiết lỵ	- <i>Co lốt</i> , <i>mặn lốt</i> (mặn đỏ)	Nấu uống
5	Đau bụng	- <i>Dá xay</i> , <i>khoảnh liêng</i> , <i>cuối tiêu</i> , <i>cùm</i> - <i>Cốt hủa</i> , <i>bơ hồng phú</i> , <i>dót chuối tiêu</i>	Giã đắp
6	Ghẻ	- Lá xoan - Lá <i>co xúm</i>	Nấu tắm
7	Bỏng	- <i>Bơ co phạt</i> - <i>Co chè</i>	Giã đắp
8	Cầm máu	- Tinh vỏ cây nứa - Lá ngọn cây tân thời	- Cạo đắp vào vết th- ơng - Giã đắp vào vết th- ơng
9	Tụ vết máu	- Lá <i>xăng lẻ</i>	- Giã đắp lên vết th- ơng
10	Cầm máu cam	- Lá trâu không, lá bạc hà	- Giã đắp
11	Bong gân	- Lá <i>xăng lẻ</i> , lá <i>bơ cai</i>	- Giã pha r- ợu đắp lên chỗ đau - Nấu n- ớc uống
12	Giun sán	- Hạt cau - Hạt bí đỏ	Rang tán nhỏ ăn
13	Rắn cắn	- Lá <i>phắc cụt</i> , <i>xóm nang</i>	Ăn sống, giã đắp
14	Gãy x- ơng	- Lá <i>cỏ đống</i> , lá sa nhân, lá <i>co phản pin</i>	Giã đắp

15	Sâu răng	- <i>Co dá duộc, co tan pảo</i>	Lấy rễ nấu đặc chất n- ớc ngâm nhiều lần
16	Đau l- ng	- <i>Bớ chần lòn, tà pá nọi, dót chuối tiêu, bơ cai</i> - <i>Bớ lít nặm, dót xà lá, dót chuối tiêu, sườn cốt hũa</i> - <i>Nan téng, ống nặm, co cai</i>	- Giã đắp - Giã đắp - Nấu uống
17	Đau khớp	- <i>Co dáng lẻ, co lý, chần lòn, phá nôộc</i>	Lá giã đắp, cây nấu uống
18	Đau cổ họng	- <i>Phạc co mạy (cả hai loại xanh và đỏ)</i>	- Giã đắp
19	Đái dất	- <i>Dá x□a pan, sa nhân</i> - <i>Khính chơ nặm</i>	Nấu uống
20	Hắc lào	- <i>Lá xoan, lá bơ cai</i>	- Giã đắp
21	Thiếu máu	- <i>Co nghỉn, co hán</i> - <i>Hạt gác, vừng, ý dĩ</i>	Giã uống, nấu uống
22	Ho	- <i>Có xa lãng, có ỏi nú, có khoọc vể</i>	Nấu uống
23	Ho lao, ho ra máu	- <i>Rau muống, củ cà rốt</i> - <i>Củ co xam xip</i>	- Giã nhỏ trộn mật ong ăn - Nấu uống
24	Hạ sốt	- <i>Hôm l□ót, bạc hà</i> - <i>Rễ cỏ tranh, diếp cá, má đề</i>	Giã nhỏ uống, đắp lên trán
25	Mụn nhọt	- <i>Phặc lúm tàu</i> - <i>Ch□a thừa pep, ch□a muối</i>	Giã đắp
26	Phù nề	- <i>Ch□a xúm hòm, hác co poóng, co tong giọt cắ</i> - <i>Tô hói khúm, co lìn nà</i>	Nấu uống
27	Đau mắt	- <i>Hạt cây kim giới</i> - <i>Củ gừng</i>	- <i>Vò với n- ớc thấm vùng xung quanh mắt</i> - <i>Giã đắp vùng xung quanh mắt</i>
28	Nhiễm trùng vết th- ơng	- <i>Vỏ cây ỏi, vỏ cây phạt</i> - <i>Lá phác cộp</i> - <i>Núc nác</i>	- <i>Nấu n- ớc rửa, đắp</i> - <i>Hơ lửa, vo, đắp</i> - <i>Hơ lửa, tán bột, rắc lên vết th- ơng</i>

Bảng 3: Một số bài thuốc từ động vật và các loại khác

TT	Tên bệnh/dinh dưỡng	Loại thuốc	Cách dùng
1	Sốt cao, hen suyễn	Con giun	Mổ bỏ ruột, rửa sạch, băm nhỏ, gói trong vải tối màu, ngâm vào nước trắng để uống
2	Bị hỏ vồ	Con tầm lá sắn	Băm nhỏ ăn sống
3	Đứt gân	Con đĩa	Băm nhỏ gói trong lá chuối nước ống tái đắp vào vết thương
4	Dong kinh	Con voi	Cạo ngà voi lấy bột ngâm nước uống
5	Tụ vết máu	- Con cua - Con gấu	- Giã nhỏ cho vào nước đun sôi để nguội, sau đó lọc bỏ bã lấy nước uống. Cũng có thể ăn sống 3 - 7 con cua kèm theo 1 - 2 chén rượu - Mật gấu xoa lên vết chấn thương
6	Dạ dày	Con nhím	Dạ dày nhím ngâm với rượu, mật ong và củ nghệ dùng để uống
7	Nấm l- ồi	Con nhím	Lông nhím đốt thành tro rồi hòa với nước ngâm trong miệng để chữa nấm l- ồi (nếu nấm l- ồi màu đen thì đốt đoạn lông màu đen; nếu nấm l- ồi màu trắng thì đốt đoạn lông màu trắng)
8	Bỏng	Con trăn	Bôi mỡ trăn lên vết bỏng
9	Cầm máu	Con cu li	Dịt lông con cu li vào chỗ đang chảy máu
10	Cảm cúm	Bạc trắng	Bọc bạc trắng trong lòng đỏ quả trứng gà luộc; sau đó dùng khăn mỏng gói lại để đánh cảm
11	Lông sâu bám vào da nhiễm trùng	Hòn đá trắng ở suối	Đốt nóng ngâm vào nước tiểu, hơ lên vết thương
12	Bổ cho phụ nữ sau khi sinh	Con ong	Mật ong pha với rượu rồi cho sản phụ uống
13	Bổ cho cơ thể	- Con khỉ - Con hổ - Con hổ	- Cao khỉ/hổ ngâm rượu uống - Nhung hổ ngâm rượu uống

**5. Ăn uống d<sup>ối</sup> khía cạnh dinh d<sup>ỡng</sup> và chữa bệnh<sup>4</sup>**

Đối với ng-ời Thái, sống trong một thiên nhiên có hệ động thực vật rất phong phú, đa dạng, đất đai và khí hậu rất thích hợp với nhiều loại cây trồng, cùng với trí thông minh, cần cù, sáng tạo, họ cũng đã tích lũy đ-ợc nhiều kinh nghiệm trong ăn uống và chữa bệnh. Có thể nói, việc chế biến, nấu n-ớng những món ăn truyền thống của ng-ời Thái đ-ợc coi là một nghệ thuật ẩm thực. Đó cũng là kết tinh của một quá trình tìm tòi và

khám phá. Ví dụ, vào mùa nóng, ng-ời dân th-ờng ăn những loại thức ăn có tác dụng làm mát, hạ nhiệt cơ thể nh- : nấu canh rau dền, canh cải, rau diếp cá... hoặc uống các loại n-ớc nh- chè xanh... Vào mùa lạnh, họ th-ờng cho thêm vào món ăn những loại gia vị có tác dụng giữ nhiệt và tăng c-ờng khả năng phòng chống các loại bệnh do lạnh gây ra nh- : gừng, tỏi, ớt... Đối với bữa ăn hàng ngày, cũng đã có sự phân loại thức ăn thành hai dạng “nóng” và “lạnh” để phù hợp với khả năng thích ứng và hấp thụ thức ăn của từng ng-ời.

Bảng 4: Quan niệm của ng-ời Thái về món ăn có tính “nóng” và “lạnh”

Phân loại món ăn		
	Tiếng phổ thông	Tiếng Thái
Món ăn có tính “nóng”	L-ợn	<i>Diến</i>
	Chạch	<i>Lột</i>
	Thịt chó	<i>Chịn má</i>
	Thịt gà	<i>Chịn cáy</i>
	Dấm mẻ	<i>Xúm liêng</i>
	Rau răm	<i>Hôm peo</i>
	Mắm tôm	<i>Huốc</i>
	Thịt mỡ	<i>Măn</i>
	Cá chua	<i>Phá xúm</i>
	Nấm ngọt	<i>Hệt bán</i>
	Món ăn có tính “lạnh”	Cá n-ớng
Thịt n-ớng		<i>Chịn pính</i>
Chèo		<i>Chéo</i>
Nấm		<i>Hệt</i>
Rau bầu		<i>Phặc □</i>
Rau cải		<i>Phặc cát</i>
Củ sả		<i>Khính chơ</i>
Hạt dổi		<i>Kén hăm</i>
Hạt tiêu rừng		<i>Mác khén</i>

<sup>4</sup> Tôi sẽ đề cập tới vấn đề ăn uống d-ới khía cạnh dinh d-ỡng và chữa bệnh cho phụ nữ và trẻ em trong một bài viết khác.

Đối với ng-ời bệnh, ngoài việc dùng thuốc, họ còn phải tuân thủ những kiêng kỵ nhất định trong ăn uống. Nếu trong quá trình dùng thuốc mà ng-ời bệnh không tuân theo những kiêng kỵ này, bệnh của họ sẽ không những không khỏi

mà còn có thể bị nặng thêm. Nguyên tắc chung của việc kiêng kỵ là không đ-ợc ăn những loại thức ăn có tính chất đối lại với tính chất của những loại thuốc đang sử dụng hoặc loại bệnh đang đ-ợc chữa trị (xem Bảng 5).

Bảng 5: Quan niệm của ng-ời Thái về một số món ăn kiêng theo bệnh

TT	Loại bệnh		Món ăn phải kiêng
	Tên Thái	Tên Việt	
1	<i>Pín bặt</i>	Cảm cúm	Không
2	<i>Pín mác</i>	Sởi	Thịt gà, chuối tiêu
3	<i>Pín xáy</i>	Sốt rét	Không
4	<i>Pín đôn</i>	Tê thấp	Thịt gà
5	<i>Chêp tọng</i>	Đau bụng	Các chất nóng, chất tanh
6	<i>Chêp púm</i>	Đau dạ dày	Chất nóng
7	Ày	Ho, hen	Quả hay xát họng, đồ ngọt
8	Khí x lú	Ỉa chảy	Chất tanh, canh n-ớc
9	<i>Khí cật</i>	Táo bón	Chất khó tiêu (đặc biệt là quả ổi)
10	<i>Chêp tà</i>	Đau mắt	Chất nóng, có mùi (ớt, mắm tôm..)
11	<i>Pín p-ỏi</i>	Lở ngứa	Tôm, tép, cá khô, chất có mùi
12	<i>Pong</i>	Phù	Chuối tiêu, cơm nếp
13	<i>Xáy bặt</i>	Sốt cao	Không
14	<i>Chêp hù</i>	Đau đầu	Không
15	<i>Chêp nư</i>	Đau mình	Không
16	<i>Dín khinh</i>	Cảm lạnh	Không
17	<i>Hặc đúp</i>	Gãy x-ơng	Không
18	<i>Pìn pặp, pong đánh</i>	S-ng tấy	Tôm tép, chất có mùi
19	<i>Púm phay</i>	Bỏng	Không
20	<i>Pín b-ôn hại</i>	Dong kinh	Các loại chất tanh, loãng máu

Có thể nói, ăn uống d-ới khía cạnh d-ỡng sinh và chữa bệnh vừa mang tính khoa học, vừa mang tính văn hóa. Đó chính là chuyện *Ăn D-ỡng* trong ẩm thực, là “T-ong tuý”, “T-ong sử”, “T-ong sát”, “T-ong phản”, “T-ong ô”, “T-ong úy” của nghệ thuật ẩm thực (Trần Quốc V-ợng, 1998, tr. 4).

## 6. Kết luận và thảo luận

- Ng-ời Thái là c- dân nông nghiệp trồng lúa n-ớc vùng thung lũng. Họ có một trình độ phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa khá cao đ-ợc thể hiện trên nhiều lĩnh vực; trong đó, vốn tri thức về y học cổ truyền khá đa dạng, phong phú và có vai trò rất quan trọng trong việc phòng bệnh và chữa bệnh cho cộng đồng.

- Là một bộ phận của di sản văn hóa phi vật thể, y d-ợc học cổ truyền có gốc rễ bám chắc và o cộng đồng dân c-. Tổ chức y tế thế giới đã đánh giá “hiện nay, y học cổ truyền vẫn đang chăm lo sức khỏe, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe ban đầu cho gần 3/4 nhân loại, một bộ phận của nhân loại đang chịu nhiều thua thiệt về kinh tế - xã hội và ít có cơ may tiếp cận và h-ởng thụ những thà nh quả mới nhất của y học hiện đại” (Lê Văn Truyền, 2007). Việc kết hợp những -u điểm của hai nền y học hiện đại và cổ truyền trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe con ng-ời là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

- Nạn chặt phá rừng, những thay đổi bất th-ờng của khí hậu đang là m cạn kiệt dần nguồn d-ợc liệu. Hệ quả là nhiều cây thuốc quý đang đứng tr-ớc nguy cơ tuyệt chủng. Nhiều dự án, ch-ợng trình của nhà n-ớc nh- Dự án trồng 5 triệu ha rừng mới chỉ quan tâm đến cây lấy gỗ, cây nguyên

liệu và cây ăn quả chứ ch- a chú ý đến cây d-ợc liệu, trong khi giá trị hàng hóa của loại cây này rất cao. Số tiền thu đ-ợc từ 0,2 ha sa nhân cũng t-ợng đ-ợng với thu nhập từ 1,5 ha dong riềng. Vì vậy, để phát triển nguồn d-ợc liệu, có thể mở rộng việc trồng cây thuốc nh- một loại cây xóa đói giảm nghèo tại những nơi có điều kiện thiên nhiên thích hợp (<http://vnexpress.net/Vietnam/Suc-khoe/2002/03/3B9BA94D>).

- Hiện nay, Nhà n-ớc ta ch- a có những quy định cụ thể về bản quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng, chẳng hạn lấy cây thuốc quý cùng tri thức sử dụng của đồng bà o thì phải trả lại cái gì cho cộng đồng ấy. Hơn nữa, nhiều cây thuốc quý của các tộc ng-ời thiểu số ch- a có tên khoa học; việc dùng thuốc cũng theo kinh nghiệm, cảm tính; ch- a định l-ợng và định tính rõ ràng. Do vậy, đẩy mạnh việc nghiên cứu, tìm hiểu giá trị của cây thuốc, bảo tồn đ-ợc các cây thuốc quý cùng tri thức sử dụng cây thuốc quý là góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

## Tài liệu tham khảo

1. Trần Hồng Hạnh (2000), *Y học cổ truyền của ng-ời Dao quần chẹt ở xóm Mạ, xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Dân tộc học, tr-ờng Đại học khoa học xã hội & nhân văn, Hà Nội.
3. Đỗ Tất Lợi (1999), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
4. Mogensen, Hannen O. và cộng sự (2002), *Nhập đề về nhân học xã hội trong*

*bối cảnh Việt Nam (nghiên cứu về giới và sức khoẻ sinh sản khu vực ven biển miền Bắc Trung bộ)*, Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em, Đại học Copenhagen, Đan Mạch.

5. Lê Đình Phái (1996), *Những vấn đề dục học dân tộc (Môi trường và ứng xử của dân c Việt Nam trên lĩnh vực bảo vệ sức khoẻ)*, Nxb Đà Nẵng.

6. Nguyễn Nghĩa Thìn và cộng sự (2001), *Thực vật học dân tộc cây thuốc của đồng bào Thái Con Cuông, Nghệ An*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

7. Trần Quốc V- ợng (1998): “Văn hóa ẩm thực Việt Nam - Hà Nội: Đôi ba vấn đề lý luận”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, số 4, tr. 3 - 7.

8. Lê Văn Truyền (2007), *Kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân*, trên trang <http://www.cimsi.org.vn/Chinhsach/yttddm/yttddm3.htm> (truy cập ngày 15 tháng 11 năm 2007).

9. Hà Học Trạc và cộng sự (2007), [http:// www.bachkhoatoanthu.gov.vn](http://www.bachkhoatoanthu.gov.vn) (truy cập ngày 18 tháng 10 năm 2005).

10. VnExpress (2002), *Nguồn dục liệu Việt Nam có nguy cơ cạn kiệt*, trên trang <http://vnexpress.net/Vietnam/Suckhoe/2003/03/3B9BA94D> (truy cập ngày 30 tháng 3 năm 2002).



**Người dân miền núi Thanh Hoá đang làm đất để chuẩn bị vào vụ.**

*Ảnh: Nguyễn Ngọc Thanh*